

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/12/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Oanh;
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Thanh V, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: Số nhà 10 Ngô Thị Ngọc Giao, phường Đ, thành phố T, tỉnh T.

Tại phiên tòa có mặt chị V, vắng mặt anh Thế A (anh Thế A có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Lưu Thị Thanh V trình bày:

- Về hôn nhân: Chị V và anh Thế A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện R, tỉnh T vào năm 2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại SN 10 Ngô Thị Ngọc Giao, phường Đ, thành phố T. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng năm 2018 thì bắt đầu phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng, chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng nhưng giữa vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung nên sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị V xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Thế A.

- Về con chung: Chị V và anh Thế A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 04/6/2009. Hiện nay cháu Đ đang ở với chị V. Ly hôn, chị V có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, không yêu cầu anh Thế A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/12/2022, anh Thế A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Thế A thống nhất với chị V về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị V có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Chị V và anh Thế A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 04/6/2009. Vì điều kiện sức khỏe của anh Thế A không tốt do từng bị tai nạn giao thông, do vậy anh đồng ý giao con cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, công nợ: Anh Thế A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Qua thu thập chứng cứ tại địa phương và lấy lời khai của bà Lê Thị Hoan – mẹ đẻ anh Thế A thể hiện: Quá trình vợ chồng chị V và anh Thế A chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Anh, chị ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Anh Thế A bị tai nạn giao thông nên không đi lại được. Nay chị V làm đơn khởi kiện ly hôn anh Thế A và có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, địa phương và gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng hợp các văn bản tố tụng cho anh Thế A, tuy nhiên do điều kiện sức khỏe của anh Thế A không đi lại được nên anh không thể trực tiếp đến Tòa làm việc mà có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành thủ tục tổng hợp theo quy định nhưng tại phiên tòa hôm nay đã có đơn xin vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về yêu cầu khởi kiện, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Chị V phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố T. Việc Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Thế A, tuy nhiên anh Thế A có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để giải quyết vắng mặt anh Thế A là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị V và anh Thế A kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng, chia sẻ, tin tưởng lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng nhưng giữa vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai nữa. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện sức khỏe anh Thế A không đến Tòa án làm việc được, tuy nhiên khi Tòa án tiến hành lấy lời khai, anh cũng trình bày việc vợ chồng mâu thuẫn và đã ly thân là có thật, nay chị V có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa, chị V vẫn giữ nguyên quan điểm về việc tình cảm vợ chồng không còn nên tha thiết xin được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh Thế A đã đến mức trầm trọng, thời gian mâu thuẫn giữa vợ chồng đã lâu nhưng không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 luật HN&GD xử cho chị V được ly hôn anh Thế A là phù hợp pháp luật.

Về con chung: Chị V và anh Thế A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 04/6/2009. Vì điều kiện sức khỏe của anh Thế A không tốt do từng bị tai nạn giao thông nên từ khi anh chị ly thân cháu Đ ở với chị V và được đảm bảo tốt về việc chăm sóc, nuôi dưỡng và học tập của cháu. Cháu Đ cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Đ cho chị V tiếp tục được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị Thanh V được ly hôn anh Nguyễn Thế A

Về con chung: Chị V và anh Thế A có 01 con chung là cháu Nguyễn Thế Đ, sinh ngày 04/6/2009. Ly hôn, giao cháu Đ cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, anh Thế A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Thế A có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị V phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002561 ngày 24/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T (Chị V đã nộp đủ án phí).

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND xã L, h. R, T. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh